

**CÔNG TY TNHH BROADERN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BROADERN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BROADERN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110571655

**3. Ngày thành lập:** 14/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 170 Đường Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971257567

Fax:

Email: [broadern@gmail.com](mailto:broadern@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                            | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý hàng hóa.<br>Môi giới hàng hóa<br>(Không bao gồm đấu giá)                                                                                                                                                                              | 4610        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh | 4649(Chính) |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                              | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                               | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                           | 4653        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                                                                                                                                         | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết:<br>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác<br>Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan: khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hóa lỏng<br>Kinh doanh xăng dầu bao gồm: xăng, nhiên liệu diezen, dầu hỏa, dầu ma dút, nhiên liệu sinh học và các sản phẩm khác dùng làm nhiên liệu, không bao gồm các loại khí hóa lỏng và khí nén thiên nhiên | 4661 |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662 |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn cao su. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4669 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299 |
| 14. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9511 |
| 15. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9512 |
| 16. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9521 |
| 17. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9522 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 19. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4730 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4774 |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4791 |
| 22. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4799 |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3313 |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3314 |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3320 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321 |
| 27. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4741 |
| 28. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742 |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                 | 4753 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4759 |
| 32. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                  | 4763 |
| 33. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ Bán lẻ dược phẩm và dụng cụ y tế)                                                           | 4772 |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu;<br>Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao: tem và tiền kim khí) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN NĂNG PHONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/02/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027091007064

Ngày cấp: 16/11/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Yên Vỹ, Xã Hòa Tiến, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 170 Đường Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN NĂNG PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/02/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027091007064

Ngày cấp: 16/11/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Yên Vỹ, Xã Hòa Tiến, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 170 Đường Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội